

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 02 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

2. Ông Đỗ Quang Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 899/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Lệ G - sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Lệ G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tìm hiểu khoảng vài tháng thì tiến tới hôn nhân; tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014; đến ngày 08/01/2015 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó P sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông S không chịu làm ăn nên không có thu nhập dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng về tiền bạc, xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn xảy ra nhiều lần nên đầu năm 2019, bà mang theo 02 con chung đi thuê nhà ở riêng thì ông S tìm tới và hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; ông S mang 02 con chung về nuôi dưỡng, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên gia đình có khuyên nhủ nhưng bà và ông S không hàn gắn được mâu thuẫn nên vợ chồng không đoàn tụ được. Bà không còn tình cảm với ông S, vợ chồng ly thân đã 04 năm; không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn S có 02 con chung là Nguyễn Tấn P - sinh ngày 20/11/2014 và Nguyễn Tấn T - sinh ngày 20/11/2014; các con hiện sống với ông S. Khi ly hôn, bà giao cho ông S được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn S không có T sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đoàn Thị Lệ G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 06/02/2023, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Lệ G vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày tại “Bản tự khai” ngày 30/12/2022; trong quá trình tố tụng tại tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị Lệ G tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng vài tháng thì tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014; đến ngày 08/01/2015 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi tổ chức đám cưới, về chung sống với nhau thì vợ chồng cùng làm thuê và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó P sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã. Đến năm 2019 thì bà G tự bỏ đi nên vợ chồng ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà G khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Đoàn Thị Lệ G có 02 con chung là Nguyễn Tấn P - sinh ngày 20/11/2014 và Nguyễn Tấn T - sinh ngày 20/11/2014; các con hiện sống với ông. Khi ly hôn, ông đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung và nợ chung: Ông và bà Đoàn Thị Lệ G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 10/01/2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, có lời trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*), đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ G.

Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Lệ G được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tấn P – sinh ngày 20/11/2014 và Nguyễn Tấn T – sinh ngày 20/11/2014 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà Đoàn Thị Lệ G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Bà Đoàn Thị Lệ G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú tại khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. *Về việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:* Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 06/02/2023, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Lệ G xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Tại “Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt” ngày 10/01/2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn S xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã khai tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đoàn Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn S đều xác nhận tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2014, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Giấy đăng ký kết hôn số: 06 ngày 08/01/2015 của UBND phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Hội

đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà G và ông S là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. *Về tình trạng hôn nhân*: Bà Đoàn Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn S chung sống hạnh phúc từ năm 2014 đến cuối năm 2018 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng; nguyên nhân xuất P từ việc vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, bất đồng quan điểm sống nên cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt. Vợ chồng không sống chung 04 năm nay, không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà G yêu cầu được ly hôn và ông S cũng đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà G và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà G được ly hôn ông S là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. *Về con chung*: Bà Đoàn Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn S có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn P - sinh ngày 20/11/2014 và Nguyễn Tấn T - sinh ngày 20/11/2014, hiện do ông S nuôi dưỡng. Ông S thống nhất theo yêu cầu của bà G về việc ông S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con; phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cháu T tại “Bản tự khai” ngày 30/12/2022 là được sống với cha và phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Văn S không yêu cầu bà Đoàn Thị Lệ G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] *Về T sản chung, nợ chung*: Bà Đoàn Thị Lệ G và ông Nguyễn Văn S đều xác nhận không có T sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đoàn Thị Lệ G phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Lệ G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Lệ G được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Tấn P - sinh ngày 20/11/2014 và Nguyễn Tấn T - sinh ngày 20/11/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Lệ G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Lệ G phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004783 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đoàn Thị Lệ G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường ĐH (Số 06 ngày 08/01/2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng